

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HS-ST
Ngày: 30-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Quý– Bà Nguyễn Thị Trung Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST – HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với:

Bị cáo Phan Thị N, sinh năm: 1975, tại: Thanh Hoá; Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện P1, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thanh T (đã chết) và bà Đào Thị C, sinh năm: 1943; Chồng: Lê Ngọc H2, sinh năm 1965; Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”

*** Người bị hại:**

- Chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm: 1974
Trú tại: Thôn V, xã L1, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1981.
Trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Lâm Đồng. “*Có đơn xin vắng mặt*”.

- Chị Bùi Thị P, sinh năm: 1985.
Trú tại: Ấp A, xã L, huyện P1, tỉnh Đồng Nai. “*Có đơn xin vắng mặt*”.

*** Người làm chứng:**

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 2000.
Trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Lâm Đồng. “*Có đơn xin vắng mặt*”.

- Chị Lê Thị Phương B, sinh năm: 1999.
Trú tại: Thôn V, xã L1, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Vắng mặt không có lý do*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 26/06/2020, chị Nguyễn Thị Tuyết H trú tại thôn V, xã L1, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng gọi điện cho Phan Thị N đặt mua 27 kg quả ổi và dặn N chở ra nhà cho chị H. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe mô tô BS: 60B3 - 623.99 chở ổi đến nhà của chị H. Khi đến nhà, N thấy nhà chị H không có ai ở nhà, cửa nhà khóa ngoài nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà chị H tìm tài sản có giá trị để trộm cắp. N đi vòng qua bên hông nhà ra phía sau thì cửa sau mở, không khóa nên N mở cửa vào trong bếp rồi đi lên trên nhà thì thấy bên phải có một phòng ngủ không khóa cửa bên trong có một tủ đựng quần áo màu H gần cửa ra vào phòng. N đi vào phòng đến tủ quần áo dùng tay giật cánh tủ ra lục tìm thì thấy một chiếc hộp bên ngoài bọc vải màu đỏ, bên trong chiếc hộp có 01 (một) vòng kiềng đeo cổ; 03 (ba) vòng đeo tay; 02 (hai) khuyên tai và 12 (mười hai) chiếc nhẫn đều bằng kim loại màu vàng. N lấy và cầm ở tay phải số kim loại vàng trên rồi đi xuống bếp lấy một túi ni lon cho toàn bộ số tài sản vào bọc và bỏ vào túi áo khoác đi ra sân cất vào trong cốp xe mô tô rồi đi về. Đến chiều ngày 27/06/2020, N đem chiếc kiềng đeo cổ đến Thị trấn C1 và nhờ cháu là Nguyễn Thị N mang đi bán cho tiệm vàng K do chị Nguyễn Thị H1 ở TDP M, TT C1, huyện C1 làm chủ được 9.200.000đ và sau đó N đã tiêu xài hết 3.000.000đ. Số kim loại vàng và 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) còn lại N cất giấu trong cốp xe mô tô, đến ngày 29/6/2020, N mang đến nhà chị H để trả lại thì bị Cơ quan điều tra triệu tập lên làm việc và tạm giữ toàn bộ số nữ trang còn lại cùng với chiếc xe mô tô.

Quá trình điều tra, khi biết chiếc kiềng cổ mua của chị N là tài sản trộm cắp, chị Nguyễn Thị H1 đã tự nguyện giao nộp chiếc kiềng cổ trên cho Cơ quan điều tra.

Ngày 29/7/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã ban hành quyết định trưng cầu Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định đối với số kim loại màu vàng mà N đã trộm cắp tại nhà chị H có phải là vàng hay không, khối lượng, hàm lượng bao nhiêu để có cơ sở định giá tài sản. Ngày 21/8/2020, Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có kết luận giám định những tài sản là kim loại màu vàng mà N đã trộm cắp của chị H đều là vàng có khối lượng, hàm lượng như sau:

- 01 (một) kiềng cổ bằng kim loại màu vàng, hình tròn, đường kính 13cm, mặt trong có khắc chữ “NAMEO GF”, trên kiềng có hai đoạn đã bị nứt, lớp kim loại mỏng phủ bên ngoài có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng 98,92%, khối lượng 7,5039 gam; phần lõi không có thành phần kim loại vàng có khối lượng 17,1761 gam.

- 08 (tám) chiếc nhẫn tròn, trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong mỗi chiếc nhẫn có khắc chữ “Thùy Dung” có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng 97,12%, kim loại bạc (Ag) hàm lượng 2,88%, tổng khối lượng 15,0044 gam.

- 03 (ba) chiếc nhẫn tròn, trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong mỗi chiếc nhẫn có khắc “Kim Loan Thái” có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng 98,53%, kim loại bạc (Ag) hàm lượng 1,47%, tổng khối lượng 5,6238 gam.

- 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng xích dài 43,5cm, mặt dây chuyền có 07 (bảy) bông hoa, mặt sau bông hoa ở giữa có khắc “Nguyễn 980KL” có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng 96,48%, kim loại bạc (Ag) hàm lượng 3,52%, tổng khối lượng 8,0045 gam.

- 01 (một) vòng tay bằng kim loại màu vàng dạng ống tròn, đường kính 5,4cm, không có khắc chữ hoặc số có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng 61,27 %, kim loại bạc (Ag) hàm lượng 17,47%, tổng khối lượng 3, 6950 gam.

- 02 (hai) chiếc vòng bằng kim loại màu vàng dạng thanh, đường kính 5,5cm, cao 0,7cm, dày 0,2cm, mặt trong mỗi chiếc vòng có khắc chữ “NAMEO 1098GF” có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng 96,96%, kim loại bạc (Ag) hàm lượng 3,04%, tổng khối lượng 17,8944 gam.

- 02 (hai) khuyên tai bằng kim loại màu vàng, mặt ngoài mỗi chiếc có gắn các hạt đá nhỏ màu trắng, mặt trong hai chiếc khuyên tai có khắc chữ “MoKHS” có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng 43,34 %, kim loại bạc (Ag) hàm lượng 29,54 %, tổng khối lượng 1,9974 gam.

- 01 (một) nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình thoi khắc chìm, trên mặt nhẫn có gắn 09 viên đá màu trắng. mặt trong chiếc nhẫn có khắc chữ KMT610 có thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng 60,17 %, kim loại bạc (Ag) hàm lượng 21,20 %, tổng khối lượng 1,4832 gam.

Sau khi có kết quả giám định ngày 03/9/2020, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ tiến hành định giá tài sản mà Phan Thị N đã chiếm đoạt của chị H. Kết quả Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Đ đã xác định tổng giá trị số vàng trên là 72.588.174 đ (*Bảy mươi hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn một trăm bảy mươi bốn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKSĐT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Phan Thị N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị N 24 (*Hai mươi bốn*) đến 30 (*Ba mươi*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (*Bốn mươi tám*) tháng đến 60 (*Sáu mươi tháng*) tháng và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

* Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phan Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: Ngày 26/6/2020 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt một chiếc hộp màu đỏ bên trong có chứa kiềng cổ, nhẫn, khuyên tai, vòng đeo tay bằng vàng có tổng trị giá 72.588.174đ (*Bảy mươi hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn một trăm bảy mươi bốn đồng*). Qua lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ đã được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo Phan Thị N đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo Phan Thị N đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, khi xem xét lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự, vì trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Ngoài ra xét về nhân thân của bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

Do đó, xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người hữu ích là phù hợp Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xét thấy nghề nghiệp và thu nhập của bị cáo không ổn định nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Trong vụ án này còn có chị Nguyễn Thị N là người đã được bị cáo mang bán chiếc kiềng đeo cổ và chị Nguyễn Thị H1 là người đã mua chiếc kiềng đeo cổ mà bị cáo đã trộm cắp mà có. Tuy nhiên, khi mua bán chiếc kiềng cổ nói trên chị N và chị H1 không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên hội đồng xét xử không xem xét xử lý hình sự là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị H1 là người đã mua chiếc kiềng cổ do bị cáo trộm cắp với giá 9.200.000đ. Quá trình điều tra vụ án chị H1 đã giao nộp chiếc kiềng đeo cổ cho Cơ quan điều tra và sau đó bị cáo đã trả lại cho chị H1 số tiền 3.000.000đ. Chị H1 yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 6.200.000đ. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền 6.200.000đ cho chị H1. Do đó, hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị H1 số tiền là 6.200.000đ (*Sáu triệu hai trăm nghìn đồng*) là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ các vật chứng sau:

- 01 (một) nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình thoi khắc chìm, trên mặt nhẫn có gắn 09 viên đá màu trắng. mặt trong chiếc nhẫn có khắc chữ KMT610; 08 (tám) chiếc nhẫn tròn, trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong mỗi chiếc nhẫn có khắc chữ “Thùy Dung”; 03 (ba) chiếc nhẫn tròn, trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong mỗi chiếc nhẫn có khắc “Kim Loan Thái”; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng

xích dài 43,5cm, mặt dây chuyền có 07 (bảy) bông hoa, mặt sau bông hoa ở giữa có khắc “Nguyễn 980KL”; 01 (một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng dạng ống tròn, đường kính 5,4cm, không có khắc chữ hoặc số; 02 (hai) chiếc vòng bằng kim loại màu vàng dạng thanh, đường kính 5,5cm, cao 0,7cm, dày 0,2cm, mặt trong mỗi chiếc vòng có khắc chữ “NAMEO 1098GF”; 02 (hai) khuyên tai bằng kim loại màu vàng, mặt ngoài mỗi chiếc có gắn các hạt đá nhỏ màu trắng, mặt trong hai chiếc khuyên tai có khắc chữ “MoKHS” là số vàng bị cáo N trộm cắp ở nhà chị H.

- 01 (một) kiềng cổ bằng kim loại màu vàng, hình tròn, đường kính 13cm, mặt trong có khắc chữ “NAMEO GF”, trên kiềng có hai đoạn đã bị gãy là tài sản bị can N trộm cắp ở nhà chị H và đem đi bán cho tiệm vàng.

Số vàng trên xác định là tài sản hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Tuyết H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là phù hợp.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS: 60B3 - 623.99, số máy: E3X9E395558; số khung: 3240JI143560 là chiếc xe Phan Thị N dùng để đi trộm cắp và cất giấu vàng trộm cắp được; 01 (một) bản sao giấy đăng ký xe nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen xám BKS: 60B3 - 623.99 mang tên Bùi Thị P, sinh năm 1998, địa chỉ xã L, huyện P1, tỉnh Đồng Nai. Qua điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của chị Bùi Thị P và chị P không biết việc N sử dụng chiếc xe để trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe và bản sao giấy đăng ký xe trên cho chị P là phù hợp.

- Số tiền 6.200.000đ (*Sáu triệu hai trăm nghìn đồng*) là số tiền bị cáo bán chiếc kiềng vàng trộm cắp của chị H còn lại, hiện đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án huyện Đ. Cần trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) mảnh giấy có kích thước 07 x 9,2 cm một mặt có ghi chữ tiệm vàng màu đỏ, một mặt có ghi $2C \times 4600 = 9.200.000$ là chứng cứ về việc bị cáo đã bán vàng trộm cắp để tiêu xài, hiện đang được kèm theo hồ sơ vụ án để phục vụ cho việc xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phan Thị N** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị N 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (*Bốn mươi tám tháng*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phan Thị N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện P1, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phan Thị N tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền là 6.200.000đ (*Sáu triệu hai trăm nghìn đồng*).

(Hiện số tiền 6.200.000đ trên hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ số: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 20/11/2020). Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Tiếp tục lưu trong hồ sơ các vật chứng sau: 01 (một) mảnh giấy có kích thước 07 x 9,2 cm một mặt có ghi chữ tiem vàng màu đỏ, một mặt có ghi 2C x 4600 = 9.200.000.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Thị N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên và đóng dấu*)

Lê Tiến Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Loan – Nguyễn Thị Trung Lan

Lê Tiến Dũng

